

# KHU PHỐ CỔ HÀ NỘI THỜI PHÁP THUỘC

(qua cuốn tiểu thuyết lịch sử “Bóng nước Hồ Gươm” của Chu Thiên)

BÙI THANH THUY

## Tóm tắt

*Khu phố cổ Hà Nội là khu phố duy nhất ở Đông Nam Á giữ được toàn bộ không gian từ xưa cho đến nay cả về mặt hình thức lẫn cuộc sống sinh hoạt buôn bán nhộn nhịp... Có lẽ sự trường tồn của khu phố này gắn liền với vị trí địa chính trị vốn có của nó.*

*Tuy nhiên, sự biến đổi của khu phố cổ qua các thời không phải là nhỏ. Sự biến đổi này phải chăng do khu phố nằm ở nơi đô thành – trung tâm chính trị của quốc gia, nơi là mục đích tranh giành của các anh hùng thời đại và những kẻ xâm lược.*

Hà Nội, kể từ khi định đô Thăng Long vào đầu thế kỷ XI và bắt đầu phát triển nền văn minh Đại Việt, trải qua ba triều đại Lý – Trần – Lê, đã từng mang những tên gọi khác nhau: Thăng Long, Đông Đô, Đông Kinh và Hà Nội, luôn là “then chốt của bốn phương tụ hội” như trong chiếu dời đô của vị vua khai mở kinh đô - Lý Thái Tổ - đã khẳng định. Nhưng nhà Nguyễn đã cố tình phủ nhận chân lý khách quan đó và vì quyền lợi cá nhân của dòng họ, đã sẵn sàng rời xa nơi đế đô của đất nước. Tuy vậy, thực dân Pháp ngay từ khi ôm mộng đô hộ Việt Nam, đặt chân lên Nam Kỳ, Đà Nẵng đã thấy ngay vai trò quan trọng của Hà Nội và kết luận rằng chỉ có chiếm được Hà Nội, lấy Hà Nội làm thủ phủ đô hộ thì mới có thể nắm được công việc bình định cũng như khai thác bóc lột toàn bộ Việt Nam (1).

Sau hai lần đánh Hà Nội những năm 1873 và 1882, thực dân Pháp lần dần từng bước và đã đạt được mục đích của mình trước triều đình nhà Nguyễn bạc nhược. Tới tháng 10 năm 1888, nhà Nguyễn đã cắt tỉnh Hà Nội làm nhượng địa cho Pháp. Lúc này theo sự phân cấp đô thị của thực dân, Hà Nội trở thành thành phố cấp một của Đông Dương cùng với Hải Phòng, Sài Gòn.

Nhận thức được tầm quan trọng của Hà Nội là trung tâm đầu não về chính trị, kinh tế, văn hoá, tương lai sẽ trở thành một trung tâm công nghiệp nhẹ và là thủ đô của liên bang Đông Dương, thực dân Pháp có chú ý đến sự phát triển thị dân và phát triển thương nghiệp, đặc biệt là khu vực trung tâm quanh hồ Hoàn Kiếm nơi chứa toàn bộ không gian của khu phố cổ.

Tiểu thuyết lịch sử “Bóng nước Hồ Gươm” của tác giả Chu Thiên qua đoạn kể về quan chủ sự người Pháp nói chuyện với các hương lý, hào phú vùng ven hồ Gươm đã nói rõ, những người Pháp quan tâm đến vùng hồ này như thế nào:

*“Thưa các ông, ở bên nước chúng tôi, ở các thành phố, các đường phố đều rộng rãi thẳng tắp có hai bên hè, có cây đèn thấp sáng ban đêm, các phố ngang dọc như bàn cờ. Nay vì sự hoà hảo giữa hai dân tộc chúng ta, chúng tôi sang đây bảo hộ nước các ông, đem văn minh để khai hoá tất nhiên cũng phải giống như những thành phố văn minh rực rỡ ánh sáng bên nước chúng tôi. Mà trước hết là khu vực cái hồ này”*(2, tr.201).

Chính vì lẽ đó mà người Pháp tấn công như tằm ăn rỗi để “cải tạo” khu trung tâm của đất An Nam.

Thời gian đầu, trước khi thành phố trở thành nhượng địa, do tác động của những biến động chính trị, những cơn binh lửa, những phong trào xây dựng nhà cửa mà khu phố đã có những nét chuyển biến rõ rệt về mặt đô thị. Qua hai lần Pháp đánh thành Hà Nội, rồi những cuộc chiến đấu giữa quân cờ đen (quân thổ ở phía Nam Trung Quốc mà nhà Nguyễn nhờ sang để đánh Pháp) với quân Pháp ở các phố phường, những vụ hoả hoạn lớn xảy ra trong các năm 1884 -1885, nhiều dãy phố bị cháy trụi, dân cư tan tác, nhiều người chạy loạn bỏ về quê. Một số tác giả phương Tây ghi nhận rằng vào thời gian đó, dân số Hà Nội từ khoảng 120.000 người đã sụt xuống chỉ còn độ 50.000 người (1).

Sau khi thành phố trở thành nhượng địa, khu phố cổ không nằm ngoài những chuyển biến chính trị đó. Chính phủ Pháp bắt tay vào việc khôi phục lại khu phố cổ theo những kế hoạch và ý định của họ.

Tên các phố được gọi bằng tiếng Pháp (từ tên gọi cũ), một số phố bị đổi tên, một số dãy nhà sát hồ được cải tạo mở rộng như phố Hàng Khay được nối thẳng hợp với thôn Cựu Lâu (nay là phố Tràng Tiền), phố hàng Bông được sửa sang và mở rộng bằng sự hợp nhất các đoạn phố (phố Hàng Hải, phố Cửa Quyền, phố Hàng Bông, phố Hàng Bông Đệm).

Đồng thời, những vụ hoả hoạn đã xảy ra trong khu phố cổ. Tháng 9 năm 1885, một vụ cháy lớn đã thiêu huỷ toàn bộ phố Hàng Đồng, hơn 200 nhà lá bị cháy, hàng nghìn người lâm vào cảnh màn trời chiếu đất. Để cho thành phố được sạch sẽ, thoáng đãng, ngày 26 tháng 12 năm 1886, thực dân Pháp đã buộc chủ nhân ở các ngôi nhà lá tại các phố thợ Khâm (Hàng Khay), phố hàng Thêu (Hàng Trống) phố Cầu Gỗ, phố Hàng Bè và phố Hàng Đào đều phải dỡ nhà cũ và thay bằng nhà gạch lợp ngói trong thời hạn một năm.

Cùng với quyết định trên, chính quyền Pháp đã cho lấp đoạn sông Tô Lịch chảy qua nội thị (quãng chợ Gạo – Nguyễn Siêu – Hàng Đường - Đồng Xuân qua Phan Đình Phùng) và một số ao hồ, trong đó có hồ Hàng Đào. Dần dần một loạt các nhà ngói kiểu cũ (thế kỷ XIX) đã được dựng lên ở khu phố cổ. Đó là những nhà cổ kiểu chông diêm còn sót lại trong những dãy phố của khu phố cổ hiện nay. Cho đến cuối

thế kỷ XIX, một số nhà gạch, cao tầng kiểu Châu Âu đã lác đác mọc lên, đan xen với các nhà kiểu cổ chồng diêm.

Trên đây là những biến đổi cơ bản về tổng thể không gian của khu phố, nếu đi sâu vào từng dãy phố, sự biến đổi này thể hiện rất rõ nét.

Do có sự xuất hiện của những người ngoại quốc, khu phố đã được chia thành hai phần cách biệt. Các phố Hàng Buồm, Hàng Ngang, Hàng Giày, Hàng Chiếu ra đến ô Đông Hà, ô Hữu Nghĩa vào năm 1873 đã có nhiều người nước ngoài đến ở, tạo lập thành khu vực riêng như một xóm làng ngoại quốc *“bọn lính khách đông thêm, nhan nhản các phố, canh giữ các ngã. Những chủ khách nghèo, buôn bán lật vật hay làm công việc nặng nhọc, tùy nghề nghiệp bắt buộc, phải đi xa cũng không dám ra khỏi nơi mình trú ngụ”* (2, tr.131).

Điều này đã dẫn đến sự kém sầm uất của khu phố. Phố xá vắng vẻ, chợ lèo tèo vài thứ hàng, người đi chợ thưa thớt *“Đạo này chợ chỉ đông xô xát vào lúc buổi sáng thôi, vì ở phố xá, Tây Tàu nhộn lắm mà binh lính của các cơ quan lúc này lại càng được thể, chẳng đùng được mới phải mò vào chợ”* (2, tr.81).

Các dãy phố nhiều nhà được nâng tầng, đa số là hai tầng với hình thức trang trí kiến trúc thực dân tiền kỳ như một số nhà ở hàng Bông, Hàng Buồm, Hàng Bạc, Hàng Sơn (Chả Cá), Hàng Gà, có nhà cao đến ba tầng ở Hàng Khay (niên đại 1886), việc xây dựng này phần nào đã làm mất đi vẻ đẹp ban đầu của khu phố.

Đây là thời kỳ đầu tiến hành bình định Hà Nội, sang năm 1887 sau khi đã hoàn toàn ổn định được vị trí của mình ở miền Bắc Việt Nam, thực dân Pháp tiến hành chương trình khai thác lần thứ nhất (1887 – 1918) trong đó họ chú ý đến vấn đề cải tạo kiến trúc, đặc biệt là kiến trúc nhà ở. Điều này đã làm ảnh hưởng rõ nét và toàn diện đến khu phố cổ mà người xưa gọi là khu *“36 phố phường”*.

Một số dãy phố đã mọc lên nhiều ngôi nhà hai tầng nhưng chủ yếu vẫn là nhà một tầng, lợp ngói (chiếm đại đa số). Khu phố cổ không còn nhà mái gianh khi xưa vì toàn bộ khu cư dân này được lệnh phá đổ tất cả những ngôi nhà lợp rơm rạ. Đường phố được lát gạch, hai bên có vỉa hè tạo nên một bộ mặt mới cho khu phố. Những kỹ sư nhà binh đã phá hủy những công trình tồn tại hơn một trăm năm truyền thống, mang dáng nét thị trấn cũng như một số ngôi nhà và một số chùa chiền ở phía Bắc hồ thuộc làng Phúc Tô (Nhà Thờ Lớn bây giờ) (3, tr.185).

Việc này đã dẫn đến *“chỉ trong vòng mấy tháng mà tất cả khu quanh hồ đều quang đãng. Không còn vương mắc một làng xóm nào nữa. Đứng trên đầu Cầu Gỗ, đầu phố hàng Đào người ta có thể nhìn bao quát suốt cả đến chùa Bà Đá, đến các nhà thờ đạo đang xây ở bên này hồ và ở phía bên kia, người ta trông thấy cả dãy phố Tràng Tiền mới mở ở đằng sau Chùa Quan Thượng. Một con đường rộng thênh thang, hai bên có giồng cây đối nhau vòng bao lấy hồ như một vành đai lụa khổng lồ”*(2, tr.238).

Năm 1889, nhiều phố mới tiếp tục được xây dựng như phố Tự Tháp (nay là phố Nhà Chung), phố Vũ Thạch (nay là phố Hàng Khay đến Trần Hưng Đạo, giữa phố Hàng Bài và Bà Triệu) khiến cho nhiều dãy phố cổ bị cắt đoạn. Cũng trong thời gian này, thực dân Pháp cho huỷ bỏ những thành lũy và những bức tường vây xung quanh khu cư dân ở để làm thành những khoảng trống xây dựng khu phố Tây. Các đình chùa cổ và dân cư ở phía Tây và phía Nam của hồ Gươm sẽ phải chuyển đi, nhường chỗ cho thành phố xây nhà gác cho các quan Tây. Chỉ còn giữ lại đền Ngọc Sơn ở giữa hồ để dùng làm chỗ cho các quan bảo hộ ra dạo chơi, hóng mát.

*Ba chục năm nay trở lại hồ*

*Bây giờ cảnh sắc khác ngày xưa*

*Nhà tranh đầu cả, toàn lầu gác*

*Súng lạ đi đòm tít trúc tơ...*

*Cụ lớn Tam Nguyên Yên Đổ (2, tr.289)*

Cảnh sắc của khu phố đã có nhiều đổi mới và điều này cũng dẫn đến sự thay đổi trong cuộc sống sinh hoạt buôn bán của khu phố. Khu phố Hàng Giấy đã trở thành phố Cô Đầu để phục vụ cho quân Pháp, việc bán giấy không còn sầm uất như trước. Các hàng bán sách đã biến mất khỏi phố Hàng Gai và phố Hàng Đào kín những nhà “Tây đen bán vải”, những hiệu thuốc tây. Tuy vậy, việc quân Pháp đóng ở Hà Nội đã tạo ra một nguồn tiêu thụ lớn và các dãy phố trong khu vực trung tâm này trở thành nơi tiêu dùng tất cả mọi thứ hàng cần thiết và xa xỉ. Đồ thêu, đồ khảm, đồ tơ lụa, đồ đồng, đồ gỗ bán rất chạy. Phố Hàng Hòm, Hàng Gai, Hàng Bông, Hàng Hải, Hàng Đào, Hàng Sắt... trở lại sầm uất. Nhiều người đứng ra mở hiệu, tuyển thợ, sản xuất thêm nhiều mặt hàng mới hợp với sở thích của quan/lính Tây. Đây cũng chính là một trong những lý do làm biến đổi tên gọi của các con phố và làm mai một dần những nghề mang tính cổ truyền của những dãy phố.

Sau chiến tranh thế giới lần thứ nhất cùng với cuộc khai thác thuộc địa lần thứ hai, thực dân Pháp mở rộng công cuộc đô thị hoá trong toàn thành phố Hà Nội. Tốc độ phát triển khá nhanh chóng nhưng chưa có quy hoạch làm cho thành phố có phần lộn xộn, thiếu mỹ quan. Ngày 12 – 7 – 1926 chính quyền Pháp ra nghị định, quy định cho các thành phố khi muốn kiến thiết đô thị phải có dự án tổng thể từ trước. Cũng thời gian này, Hà Nội được mở rộng với những khu phố mới, những đại lộ hai bên trồng cây và những công viên. Trong khu phố cổ, việc thay thế các kiểu nhà chồng diêm bằng những nhà hai tầng kiểu mới ngày càng nhiều. Những nhà ở chung tường thuộc khu vực Hà Nội “36 phố phường” được nâng tường, xây lại cho vững vàng hơn và được cải tạo lại mặt đứng, phần ngoài được trang trí theo kiểu tường hoa chắn mái và kiến trúc dùng con sơn gỗ đỡ mái.

Kiểu kiến trúc nhà ở tường hoa chắn mái được xây dựng phổ biến trong các dãy phố vì kiểu này phù hợp với thị hiếu thẩm mỹ của tầng lớp thị dân buôn bán mới giàu lên, với ý thích của các quan tham, quan phán đi làm cho tây, với túi tiền của một số

phủ thương Hoa Kiều. Đặc biệt kiểu kiến trúc này có nhiều là ở các phố Hàng Bè (1921), Hàng Vôi (1923), Hàng Thùng (1924), Hàng Bông (1921), Hàng Gai (1920), Hàng Cân (1931) (4, tr.29). Việc buôn bán cũng trở nên sầm uất và số dân cư tăng trưởng nhanh chóng.

Đến những năm cuối của thập kỷ 30 và đầu thập kỷ 40 thế kỷ XX, nhiều vấn đề về dân cư – xã hội đã đặt ra cho khu phố cổ. Hạ tầng cơ sở thiếu thốn, cống rãnh và khu vệ sinh của nhiều ngôi nhà chồng diêm (cũ và đã cải tiến) không bảo đảm, mật độ dân cư trở nên báo động ( $3m^2/người$ ). Chính quyền thành phố phải đề ra nhiều dự án về cải tạo hạ tầng cơ sở, thoát nước và vệ sinh nhưng cũng không được thực hành trọn vẹn. Kiến trúc sư Pineau thuộc Nha đô thị học Trung Ương năm 1942 đề ra một kế hoạch cải tạo mở rộng đô thị lớn trong thời hạn 30 năm, theo những tiêu chuẩn vệ sinh, giao thông và thẩm mỹ. Đối với khu phố cổ, dự án có đề ra việc xẻ thêm những đường phố mới ở ven trung tâm thành phố và hạn chế mật độ dân số. Tuy nhiên, tình hình vẫn hỗn độn, sau đó, chiến tranh thế giới ngày càng ác liệt, kế hoạch cải tạo khu phố cổ không được thực hiện.

Sau Cách mạng tháng Tám, trong năm độc lập và giải phóng đầu tiên, khu phố cổ cũng như toàn bộ thành phố Hà Nội đã bùng lên một sinh khí mới. Bản sắc dân tộc trong sinh hoạt đô thị được đề cao. Việc buôn bán, sản xuất trong khu phố cổ vẫn tập nập. Tuy nhiên chẳng bao lâu sau ngày toàn quốc kháng chiến bùng nổ, khu phố cổ lúc bấy giờ là địa phận của liên khu I, đã là địa bàn của nhiều trận chiến đấu. Chiến tranh vào những tháng cuối của năm 1946 đến năm 1947 lại một lần nữa tàn phá nhiều nhà cửa trong khu phố cổ.

Trong những năm của thập kỷ 50 (những năm cuối của thời Hà Nội tạm bị chiếm và những năm đầu của thời Hà Nội giải phóng, sau khi hoà bình lập lại) Nhà nước đã chú trọng đến khu vực này. Nhiều nhà kiến trúc và sử học đã được phái đến đây để nghiên cứu tìm hiểu và lập danh sách những ngôi nhà ở mang dấu ấn lịch sử trọng đại, các ngành nghề thủ công cổ truyền được khuyến khích phát triển theo tên gọi của từng dãy phố.

Lúc này tốc độ xây dựng nhà cửa trong khu phố cổ cũng đã diễn ra: nhiều nhà tư nhân được tu bổ sửa sang, nâng cấp, một số công sở được xây dựng. Những kiến trúc mới phổ biến là nhà hai tầng xuất hiện ngày càng nhiều, số nhà ống, chồng diêm ngày càng ít đi. Ở một số đường phố, hệ thống cấp thoát nước được cải thiện.

Như vậy, tuy có những cuộc xây dựng, cải tạo của người Pháp nhằm biến đổi bộ mặt khu trung tâm/ khu phố cổ Hà Nội, nhưng do có sự lựa chọn bố trí những kiểu dáng kiến trúc phù hợp với khung cảnh nên các dãy phố vẫn có tính hoà đồng, vẫn giữ được nét dáng nguyên sơ của khu phố, cái “thần” của khu phố cổ không bị tàn phá hoàn toàn, tạo cho Hà Nội một vị thế, xứng đáng là một đô thị cổ tồn tại lâu đời nhất cả về mặt hình thức lẫn hoạt động ở Đông Nam Á (\*).

-----

\* Ở vùng Đông Nam Á, có nhiều quốc gia cổ đại hình thành hồi đầu công nguyên và mỗi quốc gia đều có Thủ Đô. Một số thủ đô cổ như Vyadhapura (thủ đô nước Phù Nam), Vijaya Indrapura (thủ đô nước Chăm pa), Angkor (thủ đô nước Chân Lạp), Pagan (thủ đô nước Miến Điện cổ) đã từ lâu không còn là thủ đô nữa.

Kualalampur là thủ đô của Malaixia từ thế kỷ XX, Rangoon là thủ đô của Miến Điện từ cuối thế kỷ XIX, Bangkok là thủ đô của Thái Lan từ thế kỷ XVI, Jakacta (tức Battavia) là thủ đô của Ấn Độ từ thế kỷ XVI, Prompenh là thủ đô của Campuchia thế kỷ XV, Viengchăn là thủ đô của Lào từ cuối thế kỷ XVIII không có khu phố cổ như Hà Nội.

B.T.T

### **Chú thích:**

1. Nguyễn Thừa Hỷ *Thăng Long Hà Nội thế kỷ XVII, XVIII, XIX*, Bản chép tay (luận án PTS sử học), 1989.
2. Chu Thiên, *Bóng nước Hồ Gươm* (tiểu thuyết lịch sử), NXB Văn học, Hà Nội, 1970.
3. Gwendolyn Wight, *The politics of desigh in Frence colomial urbaniere* (bản đánh máy).
4. Đặng Thái Hoàng, *Kiến trúc Hà Nội thế kỷ XIX, XX*, NXB Thành phố, Hà Nội, 1995.